

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HS-ST
Ngày 20-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh năm 1994 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 05/12/2020.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Đức Minh T, sinh năm 2001, nơi cư trú: 6/11A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

- Ông Lê Hải A, sinh năm 2001, nơi cư trú: Khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: 6/5 Tổ 2, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

- Ông Đặng Văn T, sinh năm 1995, nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978, nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: 1047/15/16 Tỉnh lộ 43, Khu phố , phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- Bà Phạm Thị A, sinh năm: 1978, nơi cư trú: 6/11A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Đức Minh T là bạn bè quen biết ngoài xã hội nên D biết được T thường xuyên sử dụng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu nâu đen, biển số 61D2 - 078.17 làm phương tiện đi lại. Do thiếu tiền tiêu xài, D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nêu trên của Tuấn để cầm cố lấy tiền tiêu xài.

Thực hiện ý định trên, vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 22/6/2020, D rủ T và một người bạn của D (không rõ nhân thân, địa chỉ) đi hát karaoke tại cơ sở karaoke Gia Hân thuộc khu phố Đồng An 3, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, D giả vờ hỏi mượn T xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu nâu đen, biển số 61D2 - 078.17 để đi đón bạn đến hát cùng thì được T đồng ý và đưa chìa khóa xe cho D mượn. Sau khi lấy được xe thì D điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Quốc Đạt 1, địa chỉ: 6/5 tổ 2, khu phố 4, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương gặp ông Lê Hải A là nhân viên của cửa tiệm. Tại đây D đưa cho Hải A 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên bà Phạm Thị A cùng với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu nâu đen, biển số 61D2 - 078.17 và thỏa thuận cầm cố với giá 15.000.000 đồng thì được Hải Anh viết giấy biên nhận cầm cố xe giao cho D đồng thời thỏa thuận trong vòng 01 tháng phải chuộc lại xe mô tô trên. Sau đó, D cầm lấy số tiền đã cầm cố được sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân và bỏ về quê tại thôn Thiều X, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, D gặp ông Nguyễn Văn Đ là người quen cùng quê nơi cư trú, D có hỏi mượn tiền Đ để chuộc xe nhưng Đ không đồng ý. D nói với Đ chiếc xe mà D mang đi cầm là xe của vợ ông chủ nơi D làm việc ở Bình Dương, do ông chủ nợ tiền D nên đã đưa cho D chiếc xe và giấy tờ đăng ký xe để cầm cố lấy tiền để về quê. D nói Đ xem có ai có nhu cầu thì chuộc xe về sử dụng, khi có tiền thì D sẽ chuộc lại sau và đưa giấy biên nhận cầm đồ cho Đ. Sau đó, Đ liên hệ với một người bạn là Đặng Văn T đang làm việc tại Bình Dương về việc bạn của Đ có chiếc xe mô tô đang cầm cố và đề nghị T chuộc xe mô tô trên để sử dụng thì T đồng ý. Sau đó Đ gửi giấy biên nhận cầm cố theo nhà xe khách đường dài Bắc Nam đến Bến xe Miền Đông tại thành phố Hồ Chí Minh giao lại cho T. T nhận được giấy biên nhận cầm cố nên đến tiệm cầm đồ Quốc Đạt 1 chuộc xe mô tô trên ra với giá 19.000.000 đồng do xe đã quá hạn cầm cố 01 tháng nên bị phạt thêm tiền rồi T đem xe về để sử dụng.

Sau khi cho D mượn xe, T không thấy D trả lại xe mô tô trên và không liên lạc được với D nên đến Công an phường Bình Hòa, thành phố Thuận An để trình báo sự việc.

Đến ngày 05/12/2020, Nguyễn Văn D ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đồng thời, qua xác minh từ thông tin do D cung cấp, Cơ quan điều tra đã tìm được ông T và thu hồi được chiếc xe mô tô Honda Vario 125 màu nâu đen, biển số 61D2-078.17 để điều tra làm rõ.

Tại Biên bản định giá và Bản kết luận định giá tài sản ngày 04/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thành phố Thuận An xác định giá trị xe mô tô hiệu Honda Vario 125 màu nâu đen, biển số 61D2-078.17, số máy JM51E11536430, số khung 5110LK536737 có trị giá là 40.000.000 đồng.

Cáo trạng số 125/CT-VKS-TA ngày 31/3/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố và xác định: Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ người thân bồi thường thiệt hại; bị cáo ra đầu thú; tài sản đã thu hồi.

Kiểm sát viên đề nghị: Xử phạt bị cáo D mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu nâu đen, biển số 61D2 - 078.17, số máy: JM51E11536430, số khung: 5110LK536737 cùng với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe do bà Phạm Thị A đứng tên sở hữu nên đề nghị trả lại cho bà A.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị hại trình bày nội dung sự việc như bản cáo trạng, chiếc xe bị chiếm đoạt là của mẹ bị hại là bà Phạm Thị A cho bị hại mượn sử dụng thì bị bị cáo lừa đảo chiếm đoạt, nay bị hại yêu cầu trả xe lại cho bà A. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bà A trình bày: Chiếc xe bị cáo chiếm đoạt là của bà A và cho con là Nguyễn Đức Minh T mượn sử dụng nên xin trả lại xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tình tiết như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản chiếm đoạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 22/6/2020, bị cáo Nguyễn Văn D đã thực hiện thủ đoạn gian dối giả vờ mời bị hại Nguyễn Đức Minh T đi hát karaoke tại cơ sở karaoke Gia Hân thuộc khu phố Đồng An 3, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Sau đó tiếp tục giả vờ hỏi mượn T xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu nâu đen, biển số 61D2 - 078.17 trị giá 40.000.000 đồng nói để đi đón bạn đến hát karaoke nhằm chiếm đoạt chiếc xe này. Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất lòng tin và nghi kỵ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, gây mất trật tự trị an và tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động người thân bồi thường thiệt hại; tài sản đã thu hồi; bị cáo ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt là Honda Vario 125 màu nâu đen, biển số 61D2 - 078.17, số máy: JM51E11536430, số khung: 5110LK536737 trị giá 40.000.000 đồng. Qua điều tra xác định xe do bà Phạm Thị A đứng tên chủ sở hữu và đưa cho con trai là Nguyễn Đức Minh T mượn để làm phương tiện đi lại, tại phiên tòa bà A và bị hại đề nghị trả lại xe cho bà A nên Hội đồng xét xử ghi nhận và trả xe cho bà A.

Đối với hành vi nhận cầm cố xe máy của ông Lê Hải A, hành vi thực hiện các giao dịch mua bán tài sản của ông Nguyễn Văn Đ và ông Đặng Văn T trong vụ án. Qua điều tra xác định ông A, ông Đ, ông T không biết xe mô tô nói trên là do D phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Sau khi sự việc xảy ra, bà Nguyễn Thị D là di của bị cáo Nguyễn Văn D đã thỏa thuận trả lại cho ông Đặng Văn T số tiền 16.000.000 đồng do ông T bỏ ra để chuộc xe, bà D không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Trả cho Phạm Thị A xe mô tô hai bánh hiệu Honda Vario 125 màu nâu đen, biển số 61D2 - 078.17, số máy: JM51E11536430, số khung: 5110LK536737 (xe không có chìa khóa) và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Honda Vario 125 màu nâu đen, biển số 61D2 - 078.17, số máy: JM51E11536430, số khung: 5110LK536737 mang tên Phạm Thị A.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2021)

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THA thành phố Thuận An;
- CQCSĐT Công an thành phố Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Thuận An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ